

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định việc lập dự toán, sử dụng, quản lý và quyết toán
kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội khoá XIV và bầu cử Đại biểu
Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021**

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002;

Căn cứ Nghị quyết số 105/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội về ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021, thành lập Hội đồng bầu cử quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BTC ngày 14/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc Hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 28/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc Hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021;

Căn cứ Kế hoạch số 11/KH-UBBC ngày 19/02/2016 của Ủy ban Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016-2021 Triển khai thực hiện công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Tây Ninh nhiệm kỳ 2016-2021;

Sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban bầu cử tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chung

1. Kinh phí phục vụ cho bầu cử Đại biểu Quốc hội khoá XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 do ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương bảo đảm. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, yêu cầu công việc và khả năng ngân sách cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bổ sung kinh phí cho các đơn vị để phục vụ bầu cử, Sở Tài chính cấp phát cho các đơn vị thực hiện công tác bầu cử trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử phải được các tổ chức, cơ quan quản lý chặt chẽ, chi tiêu theo đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả; sử dụng các phương tiện phục vụ các cuộc bầu cử trước đây hiện còn sử dụng được, huy động các phương tiện đang được trang bị ở các đơn vị phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử đảm bảo tiết kiệm chi cho ngân sách nhà nước.

3. Kết thúc bầu cử, các tổ chức, cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí phải quyết toán số kinh phí bầu cử đã sử dụng theo chế độ tài chính hiện hành và các quy định của Quyết định này.

Điều 2. Nhiệm vụ chi của từng cơ quan

1. Ủy ban bầu cử tỉnh (Cơ quan thường trực đặt tại Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội – Hội đồng nhân dân tỉnh):

a) Chi toàn bộ tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử:

- Chi về in ấn thẻ cử tri, phiếu bầu, nội quy phòng bỏ phiếu, danh sách cử tri, thẻ cử tri, các loại biên bản, biểu mẫu, danh sách và tóm tắt tiêu sử người ứng cử, phù hiệu cho nhân viên tổ bầu cử và các loại giấy tờ, văn bản khác phục vụ, hướng dẫn cho công tác bầu cử;

- Chi soạn thảo, in ấn tài liệu phục vụ, hướng dẫn công tác bầu cử;

- Chi về tài liệu phục vụ cho bầu cử như Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật và các ấn phẩm phục vụ cho cuộc bầu cử.

b) Chi cho công tác tuyên truyền, hướng dẫn và chi phí hành chính cho công tác bầu cử:

- Chi cho công tác tuyên truyền (bao gồm: panô, áp phích, hỏi đáp, tờ bướm, tờ rơi, văn nghệ, giao lưu trực tiếp trên đài, internet, tập huấn và bồi dưỡng báo cáo viên, tuyên truyền viên), hướng dẫn, vận động bầu cử;

- Chi văn phòng phẩm, chi phí hành chính trong đợt bầu cử;

- Chi thông tin liên lạc phục vụ bầu cử;

- Chi làm hòm phiếu bổ sung, khắc dấu của tổ chức bầu cử;

- Chi cho các cơ quan, tổ chức đoàn thể được phân công tham gia phục vụ công tác bầu cử về: tuyên truyền, bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ...;

- Chi mua băng ron, cờ cho các phòng bỏ phiếu;

- Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ công tác bầu cử;

- Chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử.

c) Chi tổ chức hội nghị:

- Chi hội nghị hiệp thương;

- Chi hội nghị tập huấn, triển khai, giao ban, tổng kết;
- Chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ bầu cử.

d) Chi cho công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử và các cơ quan khác.

đ) Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giám sát hoạt động khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử.

Các khoản chi trên sẽ được thanh toán trên cơ sở có hoá đơn, chứng từ, hợp đồng cụ thể và đúng theo chế độ quy định hiện hành.

2. Ủy ban bầu cử huyện, thành phố (gọi chung là cấp huyện); xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã):

- Chi cho các hội nghị: triển khai, tập huấn, giao ban ở cấp huyện, cấp xã.

- Chi bồi dưỡng cho việc viết danh sách, thẻ cử tri, tổ bầu cử (kể cả bảo vệ phòng bỏ phiếu);

- Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ công tác bầu cử ở cấp huyện, cấp xã.

- Chi mua văn phòng phẩm, trang trí phòng bỏ phiếu, tuyên truyền;

- Chi khám sức khỏe cho Đại biểu ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã (theo quy định tại điểm 2.2, mục 3, Hướng dẫn số 02-HD/BTCTU ngày 7/02/2016 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về Hướng dẫn công tác nhân sự đại biểu HĐND huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn nhiệm kỳ 2016-2021- về Tiêu chuẩn khám sức khỏe).

- Chi hội nghị mạn đàm tiêu sử ứng cử viên;

- Chi phương tiện đi lại, công tác phí; chi kiểm phiếu, vận chuyển phiếu bầu và chi phí khác liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát ở cấp huyện, cấp xã.

- Chi phí khác liên quan đến công tác bầu cử tại địa bàn ở cấp huyện, cấp xã.

Điều 3. Định mức chi

1. Chi tổ chức hội nghị:

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 59/2010/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 của Ủy ban nhân dân các tỉnh về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Chi bồi dưỡng các cuộc họp:

a) Các cuộc họp của Ủy ban bầu cử, Ban Chỉ đạo bầu cử, Tiểu ban giúp việc, Tổ thư ký của Ủy ban bầu cử và Hội nghị hiệp thương:

- Chủ trì cuộc họp: Cấp tỉnh 100.000 đồng/người/buổi, cấp huyện 80.000 đồng/người/buổi, cấp xã 60.000 đồng/người/buổi.

- Thành viên tham dự: Cấp tỉnh 80.000 đồng/người/buổi, cấp huyện 60.000 đồng/người/buổi, cấp xã 40.000 đồng/người/buổi.

- Các đối tượng phục vụ: Cấp tỉnh và cấp huyện 40.000 đồng/người/buổi, cấp xã 30.000 đồng/người/buổi.

b) Chi tổ chức họp mạn đàm tiêu sử ứng cử viên cho Ban Công tác Mặt trận ấp, khu phố: 200.000 đồng/ban.

c) Chi bồi dưỡng các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử:

- Chủ trì cuộc họp: Cấp tỉnh 80.000 đồng/người/buổi, cấp huyện 60.000 đồng/người/buổi, cấp xã 40.000 đồng/người/buổi.

- Thành viên tham dự: Cấp tỉnh 60.000 đồng/người/buổi, cấp huyện và cấp xã 40.000 đồng/người/buổi.

- Các đối tượng phục vụ: Cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã 30.000 đồng/người/buổi.

3. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử:

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành từ nguồn kinh phí bầu cử, các đoàn công tác được chi như sau:

a) Trưởng đoàn giám sát: Cấp tỉnh 100.000 đồng/người/buổi, cấp huyện 80.000 đồng/người/buổi, cấp xã 60.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên và lãnh đạo các ngành tham gia đoàn giám sát: Cấp tỉnh 80.000 đồng/người/buổi, cấp huyện 60.000 đồng/người/buổi, cấp xã 40.000 đồng/người/buổi.

c) Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát như sau:

- Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát: Cấp tỉnh và cấp huyện 50.000 đồng/người/buổi, cấp xã 30.000 đồng/người/buổi.

- Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo): Cấp tỉnh và cấp huyện 40.000 đồng/người/buổi, cấp xã 30.000 đồng/người/buổi (riêng cấp xã hỗ trợ xăng công tác).

d) Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát của từng đoàn giám sát:

- Cấp tỉnh: 200.000 đồng/báo cáo.

- Cấp huyện: 150.000 đồng/báo cáo.

- Cấp xã: 100.000 đồng/báo cáo.

4. Chi xây dựng văn bản:

Chi công tác soạn thảo các văn bản liên quan đến công tác bầu cử có phạm vi áp dụng trên địa bàn (*tỉnh hoặc huyện hoặc xã*), như các văn bản về: lập kế hoạch, chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, báo cáo tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử, thì áp dụng mức chi: Cấp tỉnh 1.000.000 đồng/văn bản, cấp huyện 600.000 đồng/văn bản, cấp xã 350.000 đồng/văn bản. (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).

5. Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:

a) Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:

- Chủ tịch, các phó chủ tịch Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh 1.400.000 đồng/người/tháng, cấp huyện 1.000.000 đồng/người/tháng, cấp xã 800.000 đồng/người/tháng.

- Các ủy viên, Thư ký của Ủy ban bầu cử; các Trưởng, phó tiểu ban của Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh 1.200.000 đồng/người/tháng, cấp huyện 800.000 đồng/người/tháng, cấp xã 600.000 đồng/người/tháng.

- Các thành viên Tổ Thư ký Ủy ban bầu cử; các ủy viên Tiểu ban của Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh 1.000.000 đồng/người/tháng, cấp huyện 600.000 đồng/người/tháng, cấp xã 400.000 đồng/người/tháng.

Thời gian được hưởng các chế độ bồi dưỡng trên theo thực tế; tối đa không quá 4 tháng đối với các đối tượng nêu trên.

- Các thành viên Ban bầu cử Đại biểu Quốc hội: 1.000.000 đồng/người/tháng. Thời gian được hưởng các chế độ bồi dưỡng trên theo thực tế; tối đa không quá 3 tháng.

- Các thành viên Ban bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân: Cấp tỉnh 1.000.000 đồng/người/tháng, cấp huyện 600.000 đồng/người/tháng, cấp xã 400.000 đồng/người/tháng. Thời gian được hưởng các chế độ bồi dưỡng trên theo thực tế; tối đa không quá 3 tháng.

- Các thành viên Tổ bầu cử 400.000 đồng/người/tháng. Thời gian được hưởng các chế độ bồi dưỡng trên theo thực tế; tối đa không quá 2 tháng.

Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi bồi dưỡng cho các đối tượng được trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử: (*cụ thể đối tượng được huy động, trưng tập theo danh sách phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền*); không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát, phục vụ trực tiếp dân.

- Cấp tỉnh 60.000 đồng/người/ngày,

- Cấp huyện 40.000 đồng/người/ngày,
- Cấp xã 30.000 đồng/người/ngày.

Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức chi tối đa: *(trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt)*

- Cấp tỉnh 900.000 đồng/người/tháng, Thời gian được hưởng các chế độ khoán hỗ trợ trên theo thực tế; tối đa không quá 4 tháng.

- Cấp huyện 600.000 đồng/người/tháng, Thời gian được hưởng các chế độ khoán hỗ trợ trên theo thực tế; tối đa không quá 3 tháng.

- Cấp xã 450.000 đồng/người/tháng. Thời gian được hưởng các chế độ khoán hỗ trợ trên theo thực tế; tối đa không quá 2 tháng.

c) Chi bồi dưỡng 02 ngày cao điểm phục vụ công tác bầu cử *(ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)*: 150.000 đồng/người/ngày *(áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử)*.

d) Chi bồi dưỡng cho việc viết, ký danh sách và thẻ cử tri: 500 đồng/cử tri.

6. Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:

a) Ủy ban bầu cử, các Tiểu ban, Tổ Thư ký:

- Chủ tịch, các phó chủ tịch Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh 300.000 đồng/người/tháng, cấp huyện 200.000 đồng/người/tháng, cấp xã 100.000 đồng/người/tháng.

- Các ủy viên, Thư ký của Ủy ban bầu cử; các Trưởng, phó tiểu ban của Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh 200.000 đồng/người/tháng, cấp huyện 150.000 đồng/người/tháng, cấp xã 100.000 đồng/người/tháng.

- Các thành viên Tổ Thư ký Ủy ban bầu cử, các ủy viên Tiểu ban của Ủy ban bầu cử: Cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã 100.000 đồng/người/tháng.

Thời gian được hưởng các chế độ khoán hỗ trợ trên theo thực tế; tối đa không quá 4 tháng.

b) Ban bầu cử Đại biểu Quốc hội: (2 Ban)

- Trưởng, phó ban: 200.000 đồng/người/tháng;

- Các ủy viên: 100.000 đồng/người/tháng;

Thời gian được hưởng các chế độ khoán hỗ trợ trên theo thực tế; tối đa không quá 3 tháng.

c) Ban bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và Tổ bầu cử:

- Trưởng, phó Ban bầu cử: Cấp tỉnh 200.000 đồng/người/tháng, cấp huyện 150.000 đồng/người/tháng, cấp xã 100.000 đồng/người/tháng. Thời gian được hưởng các chế độ khoán hỗ trợ trên theo thực tế; tối đa không quá 3 tháng.

- Các ủy viên Ban bầu cử: Cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã 100.000 đồng/người/tháng. Thời gian được hưởng các chế độ khoán hỗ trợ trên theo thực tế; tối đa không quá 3 tháng.

- Tổ trưởng, tổ phó Tổ bầu cử: 100.000 đồng/người/tháng. Thời gian được hưởng các chế độ khoán hỗ trợ trên theo thực tế; tối đa không quá 2 tháng.

7. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử:

- Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân: Cấp tỉnh và cấp huyện 80.000 đồng/người/buổi, cấp xã 60.000 đồng/người/buổi.

- Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: Cấp tỉnh, cấp huyện 60.000 đồng/người/buổi, cấp xã 40.000 đồng/người/buổi.

- Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: Cấp tỉnh, cấp huyện 50.000 đồng/người/buổi, cấp xã 30.000 đồng/người/buổi.

8. Chi đóng thùng phiếu: Trường hợp thùng phiếu chính và thùng phiếu phụ cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi:

- Thùng phiếu chính không quá: 2.700.000 đồng/thùng phiếu.

- Thùng phiếu phụ không quá: 600.000 đồng/thùng phiếu.

9. Chi khắc dấu:

Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 250.000 đồng/dấu, mức chi không bao gồm lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu (lệ phí khắc dấu), được miễn theo quy định tại Thông tư số 41/2011/TT-BTC ngày 24/03/2011 của Bộ Tài chính.

10. Chi hỗ trợ chi phí khám sức khỏe cho Đại biểu ứng cử:

- Mức khám do Trung tâm Y tế cấp huyện quy định, tối đa không quá 250.000 đồng/người.

11. Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của cơ quan Thường trực Ủy ban bầu cử: Thực hiện theo Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

12. Chi công tác tuyên truyền, in ấn:

- Chi công tác tuyên truyền thực hiện theo chế độ quy định hiện hành.

- Chi in ấn không quá 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 32, Mục 5 Thông tư số 68/2012/TT-BTC ngày 26/4/2012 của Bộ Tài chính.

- Chi in ấn trên 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) theo hiện theo quy định tại Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

13. Chi khác:

- Chi hỗ trợ cho việc lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử thực hiện theo mức khoán: 500.000 đồng/điểm; chi phí cho việc tổ chức giới thiệu và lấy ý kiến cử tri nơi công tác, nơi làm việc đối với người ứng cử do cơ quan, đơn vị tổ chức có người ứng cử đảm bảo và chi theo chế độ quy định hiện hành.

- Chi hỗ trợ văn phòng phẩm, nước uống và trang trí phòng bỏ phiếu: 1.500.000 đồng/phòng.

- Chi hỗ trợ cho công tác tuyên truyền của hai cấp huyện, xã: 1.500.000đồng/xã.

- Chi hỗ trợ tổng kết, khen thưởng: 18.000.000 đồng/huyện và 8.000.000 đồng/xã.

- Chi hỗ trợ chi phí đi kiểm tra, giám sát, kiểm phiếu, vận chuyển phiếu, tổng hợp báo cáo, văn phòng phẩm, điện, nước uống hội nghị, thông tin liên lạc, (*riêng cấp xã kể cả chi hỗ trợ khám sức khỏe theo gạch đầu dòng thứ 5, khoản 2, điều 2; rửa hình cho đại biểu ứng cử HĐND và công tác bảo vệ bầu cử*), chi khác liên quan: 40.000.000 đồng/huyện và 15.000.000 đồng/xã.

Ngoài nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ nêu trên, cấp huyện, cấp xã được sử dụng ngân sách cấp mình để bổ sung thêm kinh phí đảm bảo bầu cử ở địa phương theo quy định hiện hành và quy định mức chi tại Quyết định này.

Đối với các nội dung chi không thuộc định mức nêu trên, thực hiện theo các quy định hiện hành, thanh toán theo các chứng từ chi hợp pháp trên cơ sở dự toán đã được Ủy ban bầu cử tỉnh phê duyệt.

Điều 4. Lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí bầu cử

Việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí bầu cử thực hiện theo các quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể như sau:

1. Về lập dự toán:

a) Đối với các Sở, ban, ngành tỉnh: Căn cứ nhiệm vụ, hoạt động phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 được Hội đồng bầu cử tỉnh giao, căn cứ các chế độ chi tiêu quy định tại Quyết định này và các chế độ chi tiêu hiện hành, các Sở, ban, ngành tỉnh được giao chủ trì tổ chức các hoạt động bầu cử, xây dựng dự toán kinh phí

phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 gửi Ủy ban bầu cử tỉnh, đồng gửi Sở Tài chính.

b) Đối với cấp huyện:

Căn cứ số lượng cử tri tại địa phương, căn cứ các chế độ chi tiêu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các Tổ bầu cử, Ban bầu cử (Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã) xây dựng dự toán kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình gửi Ủy ban bầu cử cùng cấp tổng hợp gửi Ủy ban bầu cử cấp trên.

Ủy ban bầu cử cấp huyện: Căn cứ số lượng Ủy Ban bầu cử các cấp; Ban bầu cử (Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã); số tổ bầu cử; số thành viên thuộc các Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử; số lượng cử tri tại địa phương; căn cứ các chế độ chi tiêu quy định tại Quyết định này và các chế độ chi tiêu hiện hành, tổng hợp, thẩm định kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp của địa phương gửi Ủy ban bầu cử tỉnh, đồng gửi Sở Tài chính.

c) Trên cơ sở dự toán kinh phí do các Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban bầu cử cấp huyện xây dựng, Ủy ban bầu cử tỉnh thẩm định, tổng hợp dự toán kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

2. Về phân bổ và giao dự toán:

a) Sau khi Chủ tịch UBND tỉnh quyết định kinh phí tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp tại địa phương, Sở Tài chính thông báo mức kinh phí bầu cử cho Ủy ban bầu cử cấp huyện và các Sở, ban, ngành tỉnh được giao chủ trì tổ chức chuẩn bị bầu cử;

b) Căn cứ mức kinh phí bầu cử được Sở Tài chính thông báo, căn cứ vào số cử tri có trên địa bàn, đặc điểm của từng vùng, khu vực, Ủy ban bầu cử cấp huyện phê duyệt phương án phân bổ kinh phí bầu cử và giao cho Phòng Tài chính – Kế hoạch thông báo kinh phí bầu cử cho các cơ quan, tổ chức liên quan ở cấp huyện và các Ủy ban bầu cử cấp xã, Tổ bầu cử, Ban bầu cử và các cơ quan, tổ chức có liên quan trên địa bàn.

3. Về hạch toán, quyết toán kinh phí:

a) Kinh phí bầu cử được hạch toán vào chi quản lý hành chính nhà nước theo mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành.

b) Các Sở, ban, ngành tỉnh được phân bổ kinh phí bầu cử có trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo đúng các quy định chi tiêu tài chính hiện hành, cuối năm tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán năm của cơ quan, đơn vị mình;

c) Các cơ quan, đơn vị ở địa phương được phân bổ kinh phí bầu cử có trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đã sử dụng với cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định hiện hành.

Trường hợp Tổ bầu cử, Ban bầu cử hết nhiệm vụ sau khi Ủy ban bầu cử tỉnh công bố kết quả bầu cử mà công tác quyết toán kinh phí vẫn chưa hoàn tất thì Tổ trưởng Tổ bầu cử, Trưởng Ban bầu cử giao trách nhiệm và uỷ quyền cho Ủy viên Tổ bầu cử, Ủy viên Ban bầu cử là đại diện Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí với cơ quan tài chính cùng cấp.

Cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm kiểm tra xét duyệt quyết toán kinh phí của các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí phục vụ bầu cử; Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện có trách nhiệm tổng hợp kinh phí bầu cử đã sử dụng vào báo cáo quyết toán ngân sách địa phương và quyết toán với Sở Tài chính theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật.

d) Kết thúc hoạt động bầu cử, các Sở, ban, ngành tỉnh và Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện gửi báo cáo tình hình phân bổ và sử dụng kinh phí bầu cử về Ủy ban bầu cử tỉnh, đồng gửi Sở Tài chính chậm nhất ngày 22/6/2016 để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các định mức kinh phí quy định tại Quyết định này áp dụng kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2016. Đối với các khối lượng công việc đã triển khai thực hiện trước ngày 01 tháng 02 năm 2016, căn cứ quy định tại Quyết định này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính và Sở Nội vụ để được hướng dẫn.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố, và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 6;
- Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ (b/c);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT;
- VPTU, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- HĐND các huyện, thành phố;
- LBVP, KT1, NC;
- Lưu: VT VP.UBND.

22



Dương Văn Thắng